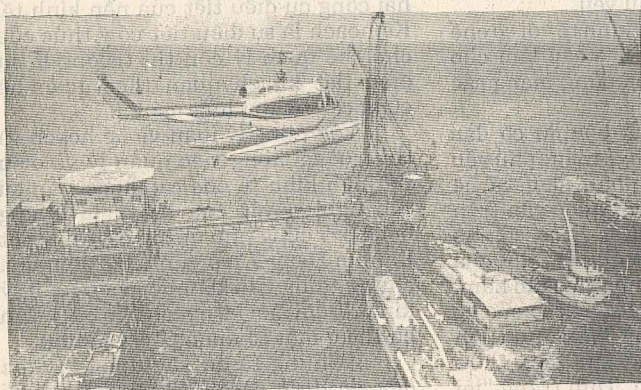


MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ Ở NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

THẠC SĨ HOÀNG NGỌC TIẾN
Trưởng Đại học KTQD Hà Nội



Ổn định và phát triển kinh tế-xã hội ở nước ta trong giai đoạn hiện nay là một trong những mục tiêu quan trọng trong sự nghiệp đổi mới mà Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VII đã vạch ra. Trong 3 năm qua, tình hình kinh tế xã hội ở nước ta đã có nhiều chuyển biến tích cực. Từ đó, đã khẳng định sự phù hợp của đường lối đổi mới với yêu cầu thực tế của đất nước, đồng thời nó cũng đã và đang tạo ra những tiền đề và triển vọng cho một giai đoạn phát triển mới. Bên cạnh đó, chúng ta cũng phải đương đầu với nhiều khó khăn và trở ngại mới có thể tiến tới đạt được những mục tiêu đã định.

Hiện nay, việc xem xét, đánh giá kết quả thực tiễn phát triển kinh tế của nước ta để so sánh với mục tiêu ổn định và phát triển kinh tế-xã hội là việc làm cần thiết. Trên cơ sở đó đề ra những giải pháp và bước đi thích hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Để tìm hiểu cụ thể vấn đề này, theo chúng tôi cần phải xem xét trên những điểm cơ bản sau đây:

1. Mức tăng trưởng kinh tế

Trong thời gian qua, nền kinh tế nước ta đã có một tốc độ tăng trưởng khá ổn định. Mức tăng trưởng kinh tế, dân số qua các năm như sau:

	1990	1991	1992	ước tính 1993
1. GDP (tỉ đồng theo giá 1989)	27.014	28.623	30.988	33.164
2. Dân số (nghìn người)	66.233	67.774	69.306	70.796

- Tỷ lệ tăng trưởng GDP bình quân trong 3 năm qua 1991-1993 cao hơn so với thời kỳ 1986-1990: 7,58% so với 5% và cao hơn so với mục tiêu đề ra cho cả giai đoạn 1991-1995 (từ 5,5%-6,5%). Đây là một kết quả đáng khích lệ trong giai đoạn ổn định và phát triển nền kinh tế ở nước ta. Tuy nhiên,

chúng ta cần phải thấy rằng: điểm xuất phát của nền kinh tế nước ta là rất thấp so với các nước khác, do vậy mặc dù tỷ lệ tăng trưởng hàng năm khá cao nhưng xét về giá trị tuyệt đối còn thấp. Giá trị tăng trưởng kinh tế ở nước ta trong 3 năm qua khoảng 500 triệu USD/một năm.

- Tỷ lệ tăng dân số trong 3 năm qua có giảm từ 2,32% (1991) xuống 2,26% (1992) và dự tính năm 1993 là 2,14% bình quân tỷ lệ tăng dân số hàng năm là 2,29%. Mức tăng dân số hàng năm như vậy còn cao hơn so với mục tiêu dự tính trong giai đoạn 1991-1995 ở nước ta là khoảng 2% một năm.

- Theo thông số liên quan giữa tốc độ tăng dân số và tốc độ tăng thu nhập quốc dân cho thấy; nếu dân số tăng mỗi năm 1% mà muốn đảm bảo đủ việc làm cho số lao động tăng thêm và vẫn giữ được mức sống dân cư không giảm thì thu nhập quốc dân phải tăng 3%. Giai đoạn 1986-1990, thu nhập quốc dân nước ta tăng bình quân hàng năm là 3,9%; năm 1991 tăng 2,5% và năm 1992 tăng 5,2%. Như vậy, trong các năm qua mức tăng trưởng kinh tế ở nước ta chưa phù hợp với mức tăng trưởng của dân số. Tuy nhiên, với sự hỗ trợ của các nguồn thu khác, nhất là nguồn thu từ ngoài nước đã đóng góp một phần đáng kể vào quỹ tiêu dùng của nhân dân trong nước.

2. Mối tương quan giữa việc làm và giá cả

Đây là mối quan hệ kinh tế có xu hướng vận động đối lập nhau. Vì vậy, nó đòi hỏi mỗi nước, tùy theo điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của mình để quyết định lựa chọn mối tương quan phát triển của hai yếu tố này sao cho phù hợp với mục tiêu đã định. Đối với các nước đang phát triển, mối quan hệ lý tưởng cho 2 yếu tố này là duy trì được tỷ lệ số người có việc làm cao trong khi giá cả vẫn giữ được cân bằng và ổn định. Số liệu thống kê về lực lượng lao động xã hội của nước ta đến năm 1992, như sau:

Đơn vị: Nghìn người

Chỉ tiêu	1990	1991	1992
I. Tổng số người tham gia lao động	35.128	36.202	37.210
1. Số người trong độ tuổi lao động	32.287	33.298	34.330
Trong đó: Số người có khả năng lao động	31.608	32.598	33.610
2. Số người ngoài tuổi lao động nhưng vẫn tham gia lao động	3.520	3.604	3.600
II. Phân phối lao động	35.128	36.202	37.210
1. Lao động làm việc ở các ngành khác nhau	30.286	30.974	31.740
2. Số người ở độ tuổi lao động nhưng còn đi học	1.146	1.432	1.470
3. Số người ở độ tuổi lao động làm việc ở nhà và chưa có việc làm	3.696	3.796	4.000

- Số người có khả năng lao động tăng bình quân trong 2 năm 1991-1992 là 3,16%/năm. Trong khi đó, số người có việc làm tăng bình quân tương ứng là 2,4%, đặc biệt tỷ lệ người không có việc làm và ở nhà tăng bình quân 4,1% một năm và chiếm tỷ trọng 12% tổng số người có khả năng lao động vào thời điểm cuối năm 1992.

- Tỷ lệ lạm phát bình quân hàng năm giảm một cách đáng kể từ 67,5% (1990) xuống còn 17,4% (1992) và khả năng tỷ lệ lạm phát 1993 ở nước ta ở mức dưới 10%. Với xu hướng vận động trên và dự tính của Nhà nước ta duy trì tỷ lệ lạm phát trong năm 1994 dưới 7% thì tỷ lệ người thất nghiệp và không có việc làm ở nước ta khả năng sẽ còn tăng lên trong một vài năm tới.

3. Giải quyết vấn đề chênh lệch mức sống và thu nhập giữa các vùng, các thành phần kinh tế trong nước.

Đây là một vấn đề xã hội lớn cần phải được Nhà nước quan tâm và giúp đỡ đúng mức. Trong những năm qua, cùng

với sự ổn định và phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của nhân dân phần nào đã được cải thiện kể cả vùng thành thị cũng như nông thôn. Tuy nhiên, mức sống ở nông thôn còn quá chênh lệch so với thành thị. Với dân số ở vùng nông thôn chiếm khoảng 78%, nhưng tỷ trọng giá trị sản lượng nông nghiệp chỉ chiếm 34,5% trong GDP (năm 1992) và ước tính khoảng 36,4% vào năm 1993. Bình quân thu nhập của một hộ nông dân trong năm 1992 khoảng 1.625.000đ, tức là bình quân 325.000đ/người.

Trong khi đó, thu nhập bình quân của một hộ thành phố trong năm 1992 đạt gần 10.000.000đ, tức là bình quân 2.000.000đ/người. Chưa kể những người làm việc cho một số đơn vị kinh tế nước ngoài có thu nhập hàng tháng khoảng 1 triệu đồng. Chính vì vậy, trị giá bất động sản của người dân thành thị năm 1991 tăng 24,3% so với năm 1990, và năm 1992 tăng 20% so với năm 1991. Bên cạnh đó, họ còn có thu nhập để trang bị thêm một số vật dùng gia đình đắt tiền, bình quân năm 1990 là 880 ngàn đồng, năm 1991 là 1.711 ngàn đồng trên một hộ.

Trong khi điều kiện đời sống kinh tế của người dân thành thị tăng lên một cách nhanh chóng thì đời sống của người dân ở vùng nông thôn (chủ yếu là nông dân, với tỷ lệ lớn) còn nhiều khó khăn, thiếu thốn: đặc biệt là vùng xa xôi hẻo lánh.

Giải quyết vấn đề này, Nhà nước cần phải có chính sách thuế hợp lý để điều tiết đúng mức thu nhập của các thành phần kinh tế; đồng thời có chế độ thu, chi ngân sách thích hợp nhằm giảm bớt chênh lệch mức sống giữa các vùng và các thành phần kinh tế trong cả nước.

4. Thực hiện các chương trình cải thiện đời sống nhân dân vùng nông thôn và miền núi

Trong những năm qua, Nhà nước ta cùng với nhiều tổ chức trong và ngoài nước đã tổ chức và triển khai được nhiều chương trình nhằm khuyến khích, hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp và nông thôn như: chương trình: xóa đói, giảm nghèo; đầu tư hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh, cải thiện đời sống; như phủ xanh đất trống, đồi trọc... Một số các chính sách khác có liên quan đến các chương trình được ban hành như: chính sách phát triển kinh tế miền núi, chính sách ruộng đất, chính sách tài chính, tín dụng.

- Cơ chế quản lý nông nghiệp cũng được đổi mới; điều kiện cung ứng nguyên vật liệu, dịch vụ kỹ thuật cho sản xuất nông nghiệp được cải thiện.

- Do vậy tổng giá trị sản lượng nông nghiệp trong 3 năm 1991-1993 tăng bình quân hàng năm là 4,5% (giai đoạn 1986-1990 là 3,7%). Nổi bật nhất là sản lượng lương thực quy thóc tăng từ 22 triệu tấn (1991) lên 24,2 triệu tấn (1992) và khả năng đạt 24,5 triệu tấn trong năm 1993. Mặt hạn chế là chúng ta không duy trì được tốc độ phát triển các mặt hàng nông sản phẩm một cách vững chắc, làm cho sản xuất nông nghiệp bấp bênh, đời sống của nhân dân vùng nông thôn chưa được ổn định.

5. Đầu tư phát triển văn hóa, giáo dục, dịch vụ xã hội

Mức đầu tư cho các lĩnh vực này trong năm 1993 ước tính lên tới gần 1.970 tỷ đồng, tăng 63,2% so với năm 1992 và chiếm 14% trong tổng số chi tiêu của Nhà nước vào xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật. Trong đó, chi tiêu cho dịch vụ sức khỏe, bảo hiểm xã hội bằng 2,7 lần và chi cho giáo dục đào tạo bằng 1,8 lần so với năm 1992.

6. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ

Trong những năm trước đây, nước ta có quan hệ với gần 40 nước trên thế giới, chủ yếu là các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế như: Liên Xô cũ và các nước Đông Âu; chủ yếu quan hệ mang tính chất viện trợ kinh tế là chính. Đến năm 1991, quan hệ kinh tế với khu vực này bị thu hẹp nhanh chóng.

Nhờ có chính sách kinh tế mở cửa, chúng ta đã mở rộng quan hệ kinh tế với gần 100 nước trên thế giới trên cơ sở hợp tác kinh tế bình đẳng, cùng có lợi. Do vậy giá trị tổng kim ngạch xuất khẩu bắt đầu tăng lên; năm 1992 tăng 18,6% so với năm 1991; năm 1993 ước tính bằng 15-20% so với năm 1992 (tổng giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu năm 1991 là 4.425 triệu USD, trong đó xuất khẩu: 2.087 triệu USD). Giá trị kim ngạch xuất khẩu ngày càng tăng đến năm 1992 đã đạt giá trị bằng 98,8% giá trị kim ngạch nhập khẩu. Khối lượng vốn đầu tư của Nhà nước vẫn tăng nhanh, trong đó năm 1993 tăng nhanh nhất, bằng gần 1,5 lần so với năm 1992. Vốn đầu tư của các chủ thể khác cũng chiếm một giá trị đáng kể, năm 1992 là 7.582 tỷ đồng. Vốn hợp tác đầu tư với nước ngoài thực tế đầu tư vào VN trong thời kỳ 1988-1993 là: 1,5 tỷ USD.



Những kết quả kinh tế đạt được trong 3 năm (1991-1993) ở nước ta là đáng khích lệ. Tuy nhiên nó mới chỉ tạo tiền đề cho sự phát triển đi lên của nền kinh tế nước ta trong sự nghiệp đổi mới. Mục tiêu phát triển kinh tế của nước ta đạt được kết quả ở mức độ nào còn phải phụ thuộc vào một số yếu tố kinh tế cơ bản sau:

Thứ nhất: Khả năng huy động vốn trong và ngoài nước để đầu tư vào tái thiết và phát

triển nền kinh tế.

Thứ hai: Phạm vi, mức độ tác động qua lại giữa lạm phát với đầu tư và chi tiêu của chính phủ cho nền kinh tế.

Thứ ba: Khả năng mở rộng xuất khẩu của nền kinh tế.

Để tạo được nền tảng vững chắc cho nền kinh tế và khả năng sớm đạt được mục tiêu phát triển kinh tế đã đề ra, theo chúng tôi ở nước ta hiện nay, cần chú trọng đi vào thực hiện tốt một số vấn đề cơ bản sau:

- Nhanh chóng ổn định khu vực kinh tế, dân cư trên phạm vi toàn quốc theo địa giới hành chính và cực phát triển kinh tế. Hạn chế tình trạng phân chia nhiều lần địa giới hành chính của các huyện, tỉnh cũng như khu vực kinh tế trong thời gian qua. Có như vậy, mới có thể tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tập trung vào khôi phục và phát triển kinh tế, nhất là kinh tế nông nghiệp.

- Điều hòa và phân phối lực lượng lao động sao cho đạt được tỷ lệ người có công ăn việc làm cao để tránh sự bất ổn định trong xã hội, đồng thời cũng phải thường xuyên theo dõi cân đối với mục tiêu hạn chế lạm phát đã đề ra.

- Đẩy mạnh chương trình giáo dục, đào tạo; trang bị cho lực lượng lao động hiện đại với trình độ, kỹ năng phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế; nâng cao trình độ, năng lực và chất lượng lao động để sử dụng trong tương lai.

- Khôi phục và mở rộng hệ thống đường giao thông, mạng lưới truyền tin tới mọi miền đất nước, cũng như đẩy mạnh xây dựng các cơ sở hạ tầng khác phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế phát triển.

- Củng cố, tái thiết các cơ sở công nghiệp nhà nước đồng thời với việc đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp khác, tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển kinh tế tiếp theo ♣